

Số: /TB-UBND

Nam Triệu, ngày tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ tổ dân phố Phả Lễ 4 đến đường Trần Hưng Đạo trên địa bàn phường Nam Triệu

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2024 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2028/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 về Quy định về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai và trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 28/7/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án, công trình phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1510/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường Nam Triệu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ tổ dân phố Phả Lễ 4 đến đường Trần Hưng Đạo trên địa bàn phường Nam Triệu;

Căn cứ Quyết định số 4122/QĐ-UBND ngày 22/7/2026 của Ủy ban nhân dân phường Nam Triệu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ tổ dân phố Phả Lễ 4 đến đường Trần Hưng Đạo trên địa bàn phường Nam Triệu;

Căn cứ Trích đo bản đồ địa chính số: 03-2026 do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng AE đo đạc ngày 25/7/2026, đơn vị kiểm tra Công ty Cổ phần Khảo sát thiết kế và dịch vụ thương mại Miền Bắc ngày 28/7/2026, được phòng Xây dựng, nông nghiệp và Môi trường xác nhận đo vẽ hiện trạng ngày 14/8/2026;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Nam Triệu thông báo như sau:

1. Thu hồi diện tích 5392,1m² (Năm nghìn ba trăm chín hai phẩy một mét vuông) đất tại phường Nam Triệu để điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ tổ dân phố Phả Lễ 4 đến đường Trần Hưng Đạo trên địa bàn phường Nam Triệu (Có Danh sách kèm theo).

Vị trí, mốc giới khu đất thu hồi theo mảnh trích đo bản đồ địa chính số: 03-2026 do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng AE đo đạc ngày 25/7/2026, đơn vị kiểm tra Công ty Cổ phần Khảo sát thiết kế và dịch vụ thương mại Miền Bắc ngày 28/7/2026, được phòng Xây dựng, nông nghiệp và Môi trường xác nhận đo vẽ hiện trạng ngày 14/8/2026.

(Diện tích, loại đất của từng thửa đất sẽ được xác định cụ thể trong quá trình điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực tế và được xác nhận theo quy định)

2. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm:

Trong thời gian dự kiến bắt đầu từ ngày 21/8/2026 đến ngày 21/9/2026.

3. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc diện thu hồi đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong khu vực thu hồi đất có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng phường, các đơn vị liên quan thực hiện việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất; xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi để làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định

diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Nam Triệu thông báo để các đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Người bị thu hồi đất;
- CT, PCT. Ng.T.Tuân;
- Phòng XD, NN&MT, BQLDA ĐTXD phường;
- Hội đồng BTHTTĐC Dự án;
- Các tổ chức, cá nhân liên quan;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Tuân

**DANH SÁCH TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN THUỘC DIỆN THU
HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO, MỞ RỘNG TUYẾN ĐƯỜNG TỪ
TỔ DÂN PHỐ PHẢ LỄ 4 ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO TRÊN ĐỊA
BÀN PHƯỜNG NAM TRIỆU**

Stt	Thửa đất số	Tên chủ sử dụng	Hiện trạng sử dụng đất		Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích ngoài chỉ giới (m2)	Ghi chú
			Diện tích (m2)	Loại đất			
1	1	Trần Thị Hạ	140,4	LUC	71,2	69,2	Đất trồng lúa
2	2	Đinh Thị Bơi	50,8	LUC	26,0	24,8	Đất trồng lúa
3	3	Đinh Thị Giòn	54,4	LUC	27,9	26,5	Đất trồng lúa
4	4	Đinh Thị Dân	92,4	LUC	46,7	45,7	Đất trồng lúa
5	5	Đinh Thị Biên	108,8	LUC	54,0	54,8	Đất trồng lúa
6	6	Đinh Thị Nhịnh	102,0	LUC	49,3	52,7	Đất trồng lúa
7	7	Đinh Thị Thoả	79,9	LUC	44,8	35,1	Đất trồng lúa
8	8	Đinh Thị Hường (Vĩnh)	101,2	LUC	61,2	40,0	Đất trồng lúa
9	9	Đinh Thị Chính	129,0	LUC	56,6	72,4	Đất trồng lúa
10	10	Đinh Thị Tan+Đinh Thị Lỏm	194,8	LUC	105,9	88,9	Đất trồng lúa
11	11	Đinh Thị Chối	67,4	LUC	37,6	29,8	Đất trồng lúa

12	12	Đinh Thị Nhịnh	67,8	LUC	32,7	35,1	Đất trồng lúa
	13	Đinh Thị Nội	89,5	LUC	30,5	59,0	Đất trồng lúa
	14	Đinh Thị Lường	29,2	LUC	16,9	12,3	Đất trồng lúa
	15	Lê Thị Bàng	40,3	LUC	19,0	21,3	Đất trồng lúa
	16	Đinh Thị Khôi	50,8	LUC	25,6	25,2	Đất trồng lúa
	17	Đinh Thị Thoả	66,8	LUC	34,0	32,8	Đất trồng lúa
	18	Vũ Thị Thuý (Nhỡ)	338,1	LUC	8,6	329,5	Đất trồng lúa
	19	Đinh Thị Xoan	54,6	LUC	13,4	41,2	Đất trồng lúa
	20	Nguyễn Thị Hạo	150,5	LUC	51,2	99,3	Đất trồng lúa
	21	Vũ Thị Cải	89,0	LUC	16,0	73,0	Đất trồng lúa
	22	Đinh Thị Liên	61,7	LUC	12,9	48,8	Đất trồng lúa
	23	Vũ Thị Mùa	61,1	LUC	13,9	47,2	Đất trồng lúa
	24	Phạm Thị Vui	64,7	LUC	14,6	50,1	Đất trồng lúa
	25	Đinh Thị Gửi (Xính)	168,0	LUC	62,4	105,6	Đất trồng lúa

26	26	Đinh Thị Sáu (Hùng)	293,8	LUC	61,5	232,3	Đất trồng lúa
27	27	Vũ Thị Thoa	343,8	LUC	90,9	252,9	Đất trồng lúa
28	28	bà Thó	689,8	LUC	94,0	595,8	Đất trồng lúa
29	29	Đinh Thị Liên	487,6	ODT	29,6	458,0	Đất có công trình nhà ở
30	31	Đinh Chính Hạnh	123,5	ODT	7,6	115,9	Đất có công trình nhà ở
31	32	Đinh Chính Xê	243,5	ODT	18,1	225,4	Đất có công trình nhà ở
32	33	UBND phường	16,9	DTL	16,9	0,0	Mương
33	34	Đinh Quang Thắng	513,0	ODT	17,1	495,9	Đất có công trình nhà ở
34	35	Đinh Thị Thủy	716,4	ODT+HNK	35,5	680,9	Đất có công trình nhà ở
35	36	Đinh Khắc Vương	801,0	ODT+HNK	43,5	757,5	Đất có công trình nhà ở
36	37	Lê Văn Ngân	632,5	ODT+HNK	46,2	586,3	Đất có công trình nhà ở
37	38	Vũ Văn Viện	250,6	ODT+HNK	15,8	234,8	Đất có công trình nhà ở
38	39	Đinh Văn Hương	816,8	ODT+HNK	50,2	766,6	Đất có công

							trình nhà ở
39	40	UBND phường	11,9	DTL	11,9	0,0	Mường
40	41	Đinh Chính Khá	242,2	HNK	10,9	231,3	Đất trống
41	42	Đinh Chính Tuấn	307,4	ODT	7,8	299,6	Đất có công trình nhà ở
42	43	Đinh Khắc Trọng	185,4	ODT	2,8	182,6	Đất có công trình nhà ở
43	44	Vũ Văn Toàn	339,4	ODT	3,7	335,7	Đất có công trình nhà ở
44	45	Vũ Văn Việt	151,9	ODT	0,6	151,3	Đất có công trình nhà ở
45	46	Đinh Khắc Long	154,4	HNK	3,1	151,3	Đất trống
46	47	Đinh Chính Tuấn	155,6	HNK	3,9	151,7	Đất trống
47	48	Vũ Văn Trọng	220,5	HNK	7,7	212,8	Đất trống
48	49	Đinh Hữu Hắng	155,1	ODT	4,6	150,5	Đất có công trình nhà ở
49	50	Lê Khắc Đào	142,9	ODT	4,6	138,3	Đất có công trình nhà ở
50	51	Đinh Khắc Tuyên	174,1	ODT	8,8	165,3	Đất có công trình nhà ở
51	52	Hà Quốc Hữu	214,0	HNK	12,4	201,6	Đất trống
52	53	Đinh Văn Vinh	107,3	ODT	6,6	100,7	Đất có công

							trình nhà ở
53	54	Đinh Khắc Hạ	219,6	ODT	14,9	204,7	Đất có công trình nhà ở
54	55	Nguyễn Đức Tân	127,0	ODT	5,7	121,3	Đất có công trình nhà ở
55	56	Đinh Khắc Hường	606,7	ODT	31,6	575,1	Đất có công trình nhà ở
56	57	Đinh Văn Cường	425,4	ODT	8,3	417,1	Đất có công trình nhà ở
57	58	Đinh Thị Thúy	205,2	ODT	4,3	200,9	Đất có công trình nhà ở
58	59	Đinh Chính Kiên	291,7	ODT	5,1	286,6	Đất có công trình nhà ở
59	60	Đinh Chính Kiên	269,2	ODT	5,5	263,7	Đất có công trình nhà ở
60	61	Vũ Văn Tĩnh	257,8	ODT	3,4	254,4	Đất có công trình nhà ở
61	62	Vũ Văn Việt	293,9	ODT	5,0	288,9	Đất có công trình nhà ở
62	63	Đinh Quang Tiến	340,8	ODT	5,7	335,1	Đất có công trình nhà ở
63	64	Đinh Quang Tới	232,0	ODT	12,0	220,0	Đất có công

							trình nhà ở
64	65	Đinh Quang Thuyết	1242,3	ODT	33,9	1208,4	Đất có công trình nhà ở
65	66	UBND xã	14,3	DTL	14,3	0,0	Mường
66	67	Lê Thị Năm	804,7	ODT	34,2	770,5	Đất có công trình nhà ở
67	68	Đinh Chính Dung	491,9	ODT+HNK	13,5	478,4	Đất có công trình nhà ở
68	69	Đinh Chính Dũng	619,4	ODT+HNK	16,3	603,1	Đất có công trình nhà ở
69	70	Đinh Thị Sít	578,4	ODT+HNK	18,3	560,1	Đất có công trình nhà ở
70	71	Đinh Hữu Cang	548,0	ODT+HNK	19,9	528,1	Đất có công trình nhà ở
71	72	Đinh Văn Bẩn	268,3	ODT	25,9	242,4	Đất có công trình nhà ở
72	73	UBND phường	20,2	DTL	20,2	0,0	Mường
73	74	UBND phường	84,2	DTL	84,2	0,0	Mường
74	75	UBND phường	24,8	DTL	24,8	0,0	Mường
75	76	UBND phường	5,2	DTL	5,2	0,0	Mường
76	77	UBND phường	12,5	DTL	12,5	0,0	Mường
77	78	UBND phường	1,2	DTL	1,2	0,0	Mường
78	79	UBND phường	3297,4	DGT	3297,4	0,0	Đường giao thông

79	80	Vũ Thị Thuý (Nhỡ)	44,3	LUC	44,3	0,0	Đất trồng lúa
80	81	Đinh Thị Nội	220,7	LUC	47,3	173,4	Đất trồng lúa
81	82	Đinh Thị Sít	58,4	LUC	28,0	30,4	Đất trồng lúa
TỔNG			22550,0		5392,1	17157,9	